**NHẬN THỨC VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ**

**THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP**

1. ***Phân loại doanh nghiệp***

Doanh nghiệp tồn tại trong thị trường kinh tế với muôn vàn hình thức và phương thức hoạt động khác nhau. Do đó, để dễ dàng trong việc phân công quản lý doanh nghiệp, giúp Nhà nước xây dựng các cơ chế quản lý riêng biệt hay tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp thì các loại hình doanh nghiệp cần được phân loại rõ ràng. Dựa theo từng tiêu chí, mục đích hay các góc nhìn khác nhau mà có các cách phân loại doanh nghiệp khác nhau:

*Thứ nhất, phân loại theo hình thức sở hữu*

*Doanh nghiệp Nhà nước* là tổ chức kinh tế do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối được tổ chức. Có các loại hình như:

Công ty nhà nước/ Công ty TNHH nhà nước một thành viên: là doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ

Công ty cổ phần nhà nước: là doanh nghiệp mà toàn bộ cổ đông là các công ty nhà nước hoặc tổ chức được nhà nước ủy quyền

Công ty TNHH nhà nước hai thành viên trở lên: là doanh nghiệp có thành viên là công ty nhà nước, tổ chức được nhà nước ủy quyền và thành viên là tổ chức khác

Doanh nghiệp cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước: DN có cổ phần hoặc vốn góp của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ và giữ quyền chi phối doanh nghiệp

*Doanh nghiệp có vốn trong nước* là doanh nghiệp có nguồn vốn thuộc sở hữu tư nhân của một hay một nhóm người trong nước.

*Doanh nghiệp có vốn nước ngoài* là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, không phân biệt tỷ lệ vốn của bên nước ngoài, có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông. Có các loại hình như:

Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài: là doanh nghiệp thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, do các nhà đầu tư nước ngoài thành lập tại Việt Nam. (Công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty TNHH)

Doanh nghiệp liên doanh: là doanh nghiệp do hai hoặc nhiều bên hợp tác thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh hoặc hiệp định ký giữa Việt Nam với bên nước ngoài hoặc doanh nghiệp bên nước ngoài hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam. (Công ty TNHH)

*Thứ hai, phân loại theo hình thức pháp lý*

*Công ty cổ phần* là doanh nghiệp mà trong đó các thành viên cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn của mình góp vào doanh nghiệp.

*Công ty trách nhiệm hữu hạn* bao gồm công ty TNHH một thành viên và công ty TNHH hai thành viên trở lên. Là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân. Các thành viên chịu các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp.

*Công ty hợp danh* là doanh nghiệp mà trong đó ít nhất hai thành viên, cùng nhau cam kết thành lập doanh nghiệp để kinh doanh trên cơ sở uy tín nghề nghiệp, và trình độ chuyên môn của nhau. Thành viên hợp danh phải là cá nhân và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Thành viên góp vốn chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp trong công ty.

*Doanh nghiệp tư nhân* là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân.

*Thứ ba, phân loại theo giới hạn trách nhiệm*

*Trách nhiệm vô hạn*

Doanh nghiệp có chế độ trách nhiệm vô hạn là loại hình doanh nghiệp mà ở đó chủ sở hữu doanh nghiệp có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho doanh nghiệp bằng tất cả tài sản của mình, khi doanh nghiệp không đủ tài sản để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của nó.( Danh nghiệp tư nhân)

*Trách hiệm hữu hạn*

Những doanh nghiệp có chế độ trách nhiệm hữu hạn là những doanh nghiệp mà ở đó chủ sở hữu chỉ phải chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa là khi số tài sản của doanh nghiệp không đủ để trả nợ thì chủ sở hữu không có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho doanh nghiệp.(Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)

1. ***Khái niệm về đăng ký thành lập doanh nghiệp***

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một khái niệm không còn mới mẻ. Tuy nhiên để có thể hiểu rõ, nắm vững bản chất của khái niệm này, chúng ta cần tiếp cận và tìm hiểu sâu hơn dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

Trong Từ điển Tiếng Việt của Nhà xuất bản Hồng Đức năm 2017 có nêu “Đăng ký là một động từ có nghĩa là ghi vào sổ của cơ quan quản lý để chính thức được công nhận cho hưởng quyền lợi hay làm nghĩa vụ” [16,tr217].

Khi tìm hiểu về cụm từ “thành lập doanh nghiệp”, chúng ta có thể phân tích dưới hai góc độ. Về góc độ kinh tế thì thành lập doanh nghiệp là việc chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần và đủ để hình thành nên một tổ chức kinh doanh. Nhà đầu tư hay chủ doanh nghiệp cần phải chuẩn bị những yếu tố cơ bản như trụ sở kinh doanh, nhà xưởng, thiết bị, nhân công...Nói cách khác là tiến hành chuẩn bị hoạt động kinh doanh thông thường. Còn dưới góc độ pháp lý thì thành lập doanh nghiệp được coi là một thủ tục hành chính do các thành viên sáng lập của doanh nghiệp hoặc đại diện của họ tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền, nhằm “khai sinh hợp pháp” cho doanh nghiệp. Tóm lại, thành lập doanh nghiệp là sự hình thành một doanh nghiệp mới trong nền kinh tế. Hoạt động thành lập doanh nghiệp do nhà đầu tư tiến hành trên cơ sở quy định của pháp luật về hình thức pháp lý của doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, cách thức góp vốn, tổ chức quản lý doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, người đầu tư thành lập doanh nghiệp. [9,tr.290].

Khoản 1 Điều 3 Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp quy định khái niệm “*đăng ký doanh nghiệp*” là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan ĐKKD và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy, đăng ký thành lập doanh nghiệp là một “hoạt động con” của hoạt động đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký thành lập doanh nghiệp chỉ là một trong cách thủ tục pháp lý của đăng ký doanh nghiệp và được hiểu đơn giản là người muốn thành lập doanh nghiệp thực hiện thủ tục pháp lý để khai sinh một doanh nghiệp mới.

1. ***Vai trò của việc đăng ký thành lập doanh nghiệp***

Theo pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp thì các chủ thể khi muốn thành lập doanh nghiệp để tổ chức hoạt động kinh doanh phải làm thủ tục đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để đươc cấp Giấy chứng nhận ĐKDN.

Nền kinh tế đất nước hiện đang trong quá trình phát triển cao và luôn gắn với hội nhập. Điều này gắn liền với việc các chủ thể kinh doanh ngày một đông đảo. Chúng ta cần một nền kinh tế phát triển nhưng vẫn phải đi đôi với ổn định và có hệ thống. Hướng đến sự bền vững của kinh tế, chúng ta luôn luôn đề cao hướng phát triển của kinh doanh là hiệu quả, chất lượng. Chính vì vậy, cần có những quy định, chế tài thắt chặt các hoạt động kinh doanh trên thị trường. Và hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp được coi là một thủ tục pháp lý mang tính bắt buộc như thế đối với tất cả các chủ thể muốn tham gia hoạt động kinh doanh.

Hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp là hoạt động hai chiều, có sự tham gia của cơ quan Nhà nước và các chủ thể kinh doanh. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định sự ra đời, tồn tại và hoạt động của một doanh nghiệp trên thi trường thông qua việc chủ doanh nghiệp thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nói cách khác, chủ thể của quan hệ đăng ký thành lập doanh nghiệp là cơ quan Nhà nước và các chủ thể kinh doanh. Do đó, đối với mỗi chủ thể thì việc đăng ký thành lập doanh nghiệp lại mang một vai trò, ý nghĩa riêng:

*Thứ nhất, đối với Nhà nước*

Thực tế, quy định bắt buộc việc đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện tốt cho các cơ quan Nhà nước liên quan kiểm soát được một cách cụ thể và chính xác thông tin quan trọng của các doanh nghiệp đang hoạt động như địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ... Những thông tin này trực tiếp giúp cho hoạt động quản lý doanh nghiệp được thuận tiện, suôn sẻ. Đặc biệt là khi có bất kỳ vấn đề gì xảy ra đều có thể kiểm tra thông tin và xử lý kịp thời, đúng đắn.

Việc bắt buộc đăng ký thành lập doanh nghiệp còn giúp cơ quan Nhà nước quản lý tốt trong việc kê thu thuế được đúng đắn và đầy đủ. Hạn chết mức thấp nhất hướng đến xóa bỏ tình trạng thất thu thuế, đảm bảo ngân sách nhà nước và đảm bảo tính công bằng cho tất cả các doanh nghiệp.

Dựa vào các thống kê hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Nhà nước có cơ sở định hướng phát triển nền kinh tế đất nước một cách hiệu quả, hợp lý.

Ngoài ra, việc bao quát và theo dõi được tình hình tham gia thị trường của các doanh nghiệp sẽ giúp nắm bắt kịp thời những yếu tố mới, đặc biệt trong hoạt động kinh doanh và giúp đưa ra những chính sách điều tiết hợp lý, kịp thời, đảm bảo được phương hướng phát triển của nền kinh tế được đúng đắn theo đường lối của Đảng và Nhà nước.

*Thứ hai, đối với chủ thể kinh doanh*

Khi chủ thể kinh doanh thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp thì hoạt động này được gọi môm na là “khai sinh” doanh nghiệp. Việc này đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên thị trường là hợp pháp, doanh nghiệp có đầy đủ tư cách pháp lý và được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp là một hoạt động đảm bảo cho việc doanh nghiệp kinh doanh công khai và tạo niềm tin quan hệ, giao tiếp với khách hàng. Ngoài ra, đây cũng là hoạt động để đảm bảo cho kế hoạch dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được diễn ra, tạo nên động lực thúc đẩy trong kinh doanh của doanh nghiệp và xóa đi tình trạng các dự án kinh doanh trên giấy

*Thứ ba, đối với khách hàng và bên liên quan*

Việc đảm bảo đăng ký thành lập doanh nghiệp bắt buộc không những có ý nghĩa đối với Nhà nước, với chính doanh nghiệp mà còn tại ra những ý nghĩa gắn với nhu cầu của khách hàng. Hoạt động đăng ký doanh nghiệp được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ giúp cho khách hàng và các bên liên quan kiếm tra được thông tin cũng như tình trạng hoạt động của doanh nghiệp mà từ đó có thể đưa ra những quyết định giao kết trong kinh doanh được đúng đắn hơn.

Ngoài ra, hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp và lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia còn tạo nên ý nghĩa giữa các chủ thể kinh doanh. Đôi bên có thể tìm hiểu, học hỏi và cạnh tranh lẫn nhau. Về mặt tích cực sẽ tạo nên nguồn động lực cao trong hoạt động kinh doanh và từ đó thúc đẩy được nền kinh tế.

Và như vậy, hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp có vai trò và ý nghĩa rất lớn, rất thiết thực đối với không chỉ là sự quản lý của Nhà nước, của mỗi chủ thể kinh doanh mà còn là với những khách hàng, với xã hội và toàn nền kinh tế.

1. **Pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp**
2. ***Khái niệm pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp***

Pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp là hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp bao gồm các quy định cụ thể điều chỉnh trực tiếp hoạt động giữa các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp. Cụ thể là điều chỉnh hoạt động giữa chủ thể kinh doanh là doanh nghiệp và chủ thể là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gọi là cơ quan ĐKKD. Các hoạt động được pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp được điều chỉnh là hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp, cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, hoạt động kiểm tra xác minh thông tin về đăng ký thành lập doanh nghiệp, hoạt động công khai thông tin trên Cổng thông tin quôc gia về ĐKKD.

Phương pháp điều chỉnh các quan hệ trong hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp là phương pháp mệnh lệnh (quyền uy) và thỏa thuận (bình đẳng). Cơ quan Nhà nước, cụ thể là cơ quan ĐKKD có quyền ra quyết định cấp Giấy chứng nhận ĐKDN đối với các chủ thể kinh doanh trong phạm vi chức năng của mình. Đối với phương pháp thỏa thuận, các bên chủ thể là cơ quan ĐKKD và chủ thể kinh doanh là doanh nghiệp có quyền bình đẳng với nhau, cùng thỏa thuận những vấn đề liên quan khi thiết lập quan hệ đăng ký thành lập doanh nghiệp mà không phụ thuộc vào ý chí một tổ chức hay cá nhân nào. Chủ thể kinh doanh tự nguyện đăng ký thành lập doanh nghiệp tại cơ quan ĐKKD và cơ quan ĐKKD cấp giấy chứng nhận khi chủ thể kinh doanh đủ điều kiện.